

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính và
kiểm soát thủ tục hành chính tháng 02 năm 2025**

Căn cứ Công văn số 555/UBND-CCHC ngày 01/03/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân về việc báo cáo định kỳ công tác Cải cách hành chính và kiểm soát Thủ tục hành chính. Ủy ban nhân dân xã Phú Thuận báo cáo công tác Cải cách hành chính và kiểm soát Thủ tục hành chính tháng 02 năm 2025 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Ủy ban nhân dân xã tiếp tục triển khai, thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh, của Huyện về đẩy mạnh công tác CCHC trên địa bàn xã. Chỉ đạo hiện tốt các nội dung trong Kế hoạch CCHC năm 2024 của xã.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch thực hiện chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2021 - 2030; Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025; Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước năm 2024;.... Thường xuyên chỉ đạo cơ quan nghiêm túc chấn chỉnh, khắc phục việc giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) bị trễ hạn, quá hạn; hồ sơ yêu cầu bổ sung nhiều lần và thái độ của công chức khi tiếp xúc công dân; chỉ đạo tổ chức phê bình, kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với các tập thể, cá nhân có liên quan nội dung phản ánh về thái độ, hành vi của công chức (nếu có).

Tính đến thời điểm hiện tại, Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện hoàn thành 16/16 nhiệm vụ trong kế hoạch CCHC năm 2024, đạt 100% (kèm theo phụ lục 01).

Từ đầu năm đến nay, Ủy ban nhân dân xã đã ban hành 02 văn bản chỉ đạo về công tác CCHC, nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao tinh thần, trách nhiệm của cán bộ, công chức.

Chỉ đạo Công chức Văn phòng – Thống kê tham mưu ban hành Quyết định rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã năm 2025.

Chuyên mục CCHC thông qua trang thông tin điện tử, trạm truyền thanh xã trong thời gian qua đã thu hút được sự quan tâm của đông đảo nhân dân, đặc biệt là đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Góp phần tích cực tuyên truyền, quảng bá về công tác CCHC, cổ vũ động viên các cơ quan đơn vị đầu mối trong việc triển khai thực hiện tốt lĩnh vực quan trọng này.

Phân công cụ thể trách nhiệm cho từng cán bộ, công chức thực hiện các nhiệm vụ phù hợp với từng chức danh đặc biệt là các công chức Văn phòng - Thống kê, và công chức tại bộ phận một cửa. Chỉ đạo các cán bộ, công chức tập trung thực hiện các nhiệm vụ nêu trong kế hoạch CCHC, đảm bảo cán bộ làm việc tại Bộ phận “Một cửa” giải quyết nhanh gọn các thủ tục hành chính cho nhân dân. Nhìn chung

những nhiệm vụ trong tháng được cán bộ công chức cấp xã thực hiện đúng theo tiến độ được giao.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Trên cơ sở những quy định của Ban Chỉ đạo huyện, Phòng Nội vụ, Phòng Tư Pháp về việc thực hiện ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Văn phòng - Thống kê và công chức Tư pháp - Hộ tịch cùng thực hiện.
- Công tác kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật: Công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện thường xuyên theo quy định.
- Đã triển khai và hướng dẫn thực hiện văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu cấp trên.

2. Cải cách thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân xã tiếp tục chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 20/3/2024 của UBND xã về tuyên truyền công tác cải cách thủ tục hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024 và kế hoạch chuyển đổi số năm 2025;

Chỉ đạo Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của xã thường xuyên cập nhật, niêm yết công khai thủ tục hành chính đúng theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ. Qua đó, kịp thời niêm yết, công bố đầy đủ thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ, hủy bỏ áp dụng chung tại Ủy ban nhân dân cấp xã qua mã QR code và bản giấy đầy đủ cung cấp khi công dân có yêu cầu. Đến nay tổng số TTHC được cập nhật và niêm yết tại xã là 165 thủ tục hành chính.

Thực hiện cắt giảm thủ tục hành chính theo quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 24/4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã, tỷ lệ 78,62% so với tổng số thủ tục cắt giảm.

Trong tháng đã thực hiện chứng thực điện tử 14 trường hợp, cấp kết quả điện tử cho 13 trường hợp. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 100%. Kết quả TTHC thực hiện số hóa 100%, Hồ sơ có phát sinh phí, lệ phí được thanh toán trực tuyến 100%.

Kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân.

TT	Đơn vị	Tổng số HS xử lý	Đã giải quyết	Tỷ lệ %	Đang giải quyết	Tỷ lệ %	Trễ hẹn	Tỷ lệ %
1	Xã PTh	61	55	90,16	6	9,84	0	0

Cơ sở vật chất trang thiết bị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cũng được trang bị cơ bản đầy đủ, đảm bảo phục vụ nhu cầu cho người dân khi đến liên hệ làm việc. Cơ sở vật chất tại chỗ gồm: Màn hình hướng dẫn thủ tục hành chính, bảng niêm yết các thủ tục hành chính đến nhân dân tìm hiểu, 3 máy tính, 02 máy in, 01 máy scan và các phương tiện khác.

Đối với nhân lực tại bộ phận tiếp nhận và trả lời kết quả: Bố trí 02 công chức phụ trách điều có trình độ chuyên môn đại học, về chính trị có 01 công chức trình

độ trung cấp chính trị, có bồi dưỡng đầy đủ về kỹ năng giao tiếp, quản lý nhà nước, anh văn, tin học đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính.

Kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Nhìn chung số lượng văn bản đi, đến đa số được thực hiện trên môi trường mạng, có ký số trước khi gửi.

Về công khai thủ tục hành chính: Tại bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân xã các ngành thuộc lĩnh vực giải quyết thủ tục hành chính như: Tư pháp, Địa chính, LĐ-TB&XH... đã công khai bằng biểu mẫu các loại giấy tờ, thời gian trả lời kết quả đúng hẹn, không có trường hợp trễ hẹn phải xin lỗi trước dân...

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Thực hiện tốt việc sắp xếp kiện toàn bộ máy theo quy định và đúng biên chế được giao.

- Số biên chế được giao 23 người, trong đó cán bộ 12 người, công chức 11 người. Hiện nay cán bộ, công chức của xã 21 người, gồm 11 cán bộ¹ và 10 công chức².

- Đã chỉ đạo tốt việc thực hiện quy chế làm việc và quy chế văn hóa của cơ quan đơn vị.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức: Hiện nay cán bộ, công chức của xã bao gồm 21 người, đạt chuẩn 100%. Việc rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức Ủy ban nhân dân xã thực hiện sắp xếp đúng theo vị trí việc làm sở trường của cán bộ công chức.

- Đơn vị không có cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật. Ngoài ra, đơn vị thực hiện đúng các quy định về tuyển dụng công chức, có khen thưởng và các chế độ chính sách khác tại đơn vị.

5. Cải cách tài chính công

Việc thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí: Thực hiện tốt việc thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ quan đơn vị, thực hiện khoán kinh phí cán bộ công chức đảm bảo cho phục vụ công tác vừa phòng chống tham nhũng, lãng phí.

Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP. Việc thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm từng bước được thực hiện đúng theo quy định cũng như việc thực hiện theo biên chế, nguồn kinh phí quản lý hành chính của cơ quan đơn vị, nội dung và phạm vi sử dụng điều đồng bộ thống nhất theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

Ban chỉ đạo chuyển đổi số xã được thành lập theo Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 12/9/2022 gồm có 29 thành viên, Trưởng ban do đồng chí Chủ tịch UBND xã đang lãnh đạo điều hành UBND xã, Đồng chí Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy làm Phó Trưởng ban, đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã làm Phó Trưởng ban thường trực, các thành viên gồm đại diện MTTQVN, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ công chức xã và trưởng ấp 6 ấp. Ngoài ra Thành lập 6 Tổ công nghệ số

¹ Do: Đồng chí Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm chức danh Chủ tịch HĐND;

² Do: Thiếu công chức Tài chính – Kế toán vừa luân chuyển về phòng Tài chính – Kế hoạch.

cộng đồng gồm 24 thành viên. Nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia trong thời gian tới.

Việc triển khai ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin vào hoạt động tại cơ qua đáp ứng nhu cầu đổi mới công tác, đã tập trung vào một số nội dung:

- Thực hiện tốt hệ thống xử lý phần mềm Ioffice, tỷ lệ văn bản đến và văn bản đi được xử lý trên phần mềm Ioffice so với văn bản thực tế đạt 100%. Tỷ lệ cán bộ công chức sử dụng thường xuyên phần mềm ioffice đạt 100%.

- Xã hiện có 165 thủ tục hành chính hành chính được cập nhật trên hệ thống thông tin một cửa điện tử, trong đó chủ yếu thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến một phần.

- Hiện tại Ủy ban nhân dân xã được cấp 03 chữ ký số cho lãnh đạo cơ quan, 01 chữ ký số tại bộ phận một cửa, 01 chữ ký số văn thư, ký số được sử dụng thường xuyên, có 100% văn bản đi trên môi trường mạng được ký số.

- Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết công việc chuyên môn của cán bộ công chức được thực hiện có hiệu quả có 25/25 cán bộ, công chức sử dụng thường xuyên phần mềm Ioffice đạt 100%, có 100% cán bộ, nhân viên cơ quan sử dụng zalo và Facebook để trao đổi công việc.

- Sau khi tham gia tập huấn chữ ký số, phần mềm ISO, phần mềm cán bộ công chức đến nay các chương trình này đã được thực hiện tốt, ký số 100% văn bản đi, xây dựng kế hoạch ISO, nhập liệu phần mềm cán bộ, công chức.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Kịp thời xây dựng các kế hoạch và tuyên truyền nhiệm vụ Cải cách hành chính đến cán bộ, công chức và nhân dân.

- Thực hiện tốt việc chỉ đạo điều hành rà soát thủ tục hành chính kịp thời báo cáo về trên theo quy định.

- Việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng nhu cầu đặt ra.

- Thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của cán bộ, công chức tại bộ phận “Một cửa”, không gây phiền hà cho người dân.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Mặt bằng dân trí không đồng đều, nên việc tiếp thu các hướng dẫn về thủ tục hành chính và văn bản về cải cách hành chính chưa cao. Tâm lý còn sử dụng văn bản giấy trong thực hiện các thủ tục hành chính.

- Việc cập nhật thủ tục hành chính còn hạn chế, chưa thường xuyên, liên tục.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Mở lớp tập huấn cho cán bộ giải quyết thủ tục hành chính nhất là cán bộ tiếp nhận hồ sơ về các vấn đề: đạo đức công vụ, nghi thức tiếp tân, tiếp đón khách và nghiệp vụ nhận và trả kết quả tại bộ phận một cửa.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THÁNG 3 NĂM 2025

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy và sự tham gia của UBMTTQVN xã và các đoàn thể trong thực hiện cải cách hành chính.

- Tuyên truyền sâu, rộng các nhiệm vụ cải cách hành chính trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân. Đặc biệt là công tác chuyển đổi số quốc gia, hướng đến thực hiện mục tiêu cơ bản: Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Tiếp tục chỉ đạo công tác rà soát thủ tục hành chính nhằm kịp thời phát hiện, yêu cầu bổ sung, sửa đổi, bãi bỏ những thủ tục hành chính rườm rà không còn phù hợp nữa.

- Công khai bộ thủ tục hành chính điện tử để nhân dân theo dõi.

- Tiếp tục đào tạo cán bộ, công chức chưa đủ chuẩn đúng theo quy định.

- Chỉ đạo các ngành trực thuộc làm tốt công tác tiếp nhận và trả lời kết quả cho người dân.

- Thường xuyên tuyên truyền công tác cải cách hành chính đến tận người dân bằng nhiều hình thức. Tiếp tục thực hiện các mô hình cải cách hành chính theo kế hoạch.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện CCHC tại bộ phận “Một cửa” và các cán bộ, công chức, nhân viên trực thuộc và nhiệm vụ được giao trong năm. Kiểm tra rà soát việc thực hiện các nhiệm vụ được giao của cán bộ công chức.

- Xây dựng và thực hiện các Kế hoạch về Cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, tuyên truyền cải cách hành chính nhất là đối thoại với nhân dân về thủ tục hành chính tại xã.

Trên đây là báo cáo việc thực hiện công tác cải cách hành chính tháng 02 và nhiệm vụ tháng 3 năm 2025 của UBND xã Phú Thuận./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Phú Tân;
- Lưu: VT (Ly).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tô Chí Lâm

Mẫu số 1
THÔNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ VỀ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI
CÁCH HÀNH CHÍNH

Số TT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1	Kế hoạch CCHC của đơn vị			
1.1.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	16	
1.1.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	16	
1.2	Kiểm tra CCHC			
1.2.1	Số đơn vị đề ra theo Kế hoạch	Cơ quan, đơn vị	0	
1.2.2	Số đơn vị được kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
1.2.3	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
1.2.4	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
1.3	Thực hiện nhiệm vụ do UBND, Chủ tịch UBND huyện giao			
1.3.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	Không giao trực tiếp	
1.3.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	0	
1.3.3	Số nhiệm vụ hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
1.3.4	Số nhiệm vụ đã quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
1.4	Khảo sát sự hài lòng người dân tổ chức		0	
1.4.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	0	
1.4.2	Hình thức khảo sát			
1.5	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không=0, có =1	0	
2	Cải cách cá thể			
2.1	Số VBQPPL đã ban hành/ tham mưu ban hành	Văn bản	0	
2.2	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
2.3	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sao rà soát	Văn bản	0	
2.4	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1	Thống kê thủ tục hành chính			
3.1.1	Số TTHC được công bố mới	Thủ tục	0	
3.1.2	Số TTHC tham mưu bãi bỏ	Thủ tục	0	
3.1.3	Số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	165	
3.2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	02	
3.2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	16	
3.2.3	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội	%	0	

	bộ			
3.2.4	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được điện tử hóa	%	0	
3.3	<i>Kết quả giải quyết thủ tục hành chính</i>			
3.3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.3.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực Xây dựng được giải quyết đúng hạn	%	0	
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1	<i>Cơ cấu tổ chức bộ máy</i>			
4.1.1	Tổng số phòng, chuyên môn nghiệp vụ	Cơ quan, đơn vị	0	
4.1.2	Tổng số tổ chức hành chính trực thuộc	Cơ quan, đơn vị	0	
4.1.3	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	Cơ quan, đơn vị	0	
4.2	<i>Số lượng biên chế công chức</i>			
4.2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	23	
4.2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	21	
4.2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan đơn vị	Người	0	
4.2.4	Số biên chế đã tinh giảm trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tin giảm so với năm 2015	%	0	
4.3	<i>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc</i>		0	
4.3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	0	
4.3.2	Tổng số người làm việc có mặt	Người	0	
4.3.3	Tổng số người đã tinh giảm trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.3.4	Tỷ lệ % đã tinh giảm so với năm 2015	%	0	
5	Cải cách chế độ công vụ			
5.1	<i>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</i>			
5.1.1	Số cơ quan hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
5.1.2	Số lượng công chức bố trí chưa đúng đề án vị trí việc làm được phê duyệt	Công chức	0	
5.1.3	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
5.1.4	Số lượng viên chức bố trí chưa đúng đề án vị trí việc làm được phê duyệt	Viên chức	0	
5.2	<i>Tuyển dụng</i>			
5.2.1	Công chức cấp xã được tuyển dụng	Người	0	
5.2.2	Số lượng viên chức được tuyển dụng (thi	Người	0	

	tuyển, xét tuyển)			
5.2.3	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
5.3	<i>Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo</i>		0	
5.3.1	Số lãnh đạo phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.3.2	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm lại	Người	0	
5.3.3	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.4	<i>Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm lại</i>	Người	0	
5.5	<i>Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về đảng và chính quyền)</i>		0	
5.5.1	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	0	
5.5.2	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND huyện bị kỷ luật	Người	0	
5.5.3	Số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người	0	
6	<i>Cải cách tài chính công</i>			
6.1	Số đơn vị SNCL trực thuộc	Cơ quan, đơn vị	0	
6.2	Số đơn vị SNCL tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư	Cơ quan, đơn vị	0	
6.3	Số đơn vị SNCL tự đảm bảo chi thường xuyên	Cơ quan, đơn vị	0	
6.4	Số đơn vị SNCL tự đảm bảo một phần chi thường xuyên	Cơ quan, đơn vị	0	
6.4.1	<i>Số đơn vị SNCL tự đảm bảo 70%- dưới 100%</i>	Cơ quan, đơn vị		
6.4.2	<i>Số đơn vị SNCL tự đảm bảo 30%- dưới 70%</i>	Cơ quan, đơn vị		
6.4.3	<i>Số đơn vị SNCL tự đảm bảo 10%- dưới 30%</i>	Cơ quan, đơn vị		
6.5	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên	Cơ quan, đơn vị	0	
6.6	Số đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần	Cơ quan, đơn vị		
7	<i>Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử</i>			
7.1	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện</i>	%	100%	
7.2	<i>Dịch vụ công trực tuyến</i>			
7.2.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Tỷ lệ	100%	
	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		

	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
7.2.2	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	%		
	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		
	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		
	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
7.3	<i>Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ</i>	%		
	Tổng số TTHC đã tiếp nhận	<i>Hồ sơ</i>	0	
	Tổng số TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	<i>Hồ sơ</i>	0	

PHỤ LỤC 2
TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
KỲ BÁO CÁO TỪ 15/01/2025 ĐẾN 14/02/2025

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết						Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			Tổng số	Đã giải quyết		Đang giải quyết
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn		Đúng thời hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Người có công	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
2	Liên thông ngoài danh mục	4	0	4	0	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Chứng thực	10	10	0	0	10	10	0	0	0	0	10	10	0	0
4	Bảo trợ xã hội	11	11	0	1	9	9	0	2	2	0	9	9	0	2
5	Hộ tịch	35	35	0	1	31	31	0	4	4	0	31	31	0	4
	Tổng cộng	61	55	4	2	55	55	0	6	6	0	55	55	0	6